TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2023/DS-PT
Ngày 12 - 7 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 52/2023/TLPT-DS ngày 05/5/2023 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1957, (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lương Thị Hồng Mơ là Luật sư - Văn phòng Luật sư Lương Hồng Mơ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1960, (có mặt)

2.2. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1964, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lương Thị H, sinh năm 1964, (vắng mặt)

3.2. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1985, (vắng mặt)

3.3. Anh Phạm Quốc T2, sinh năm 1984, (có mặt)

3.4. Anh Phạm Đan T3, sinh năm 2001, (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, chị U, anh T2: Ông Phạm Quốc Trung, sinh năm 1960, (theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2022)

3.5. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Kiệt, chức vụ: Chủ tịch, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Văn S, sinh năm 1957.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Văn S và bà Lương Thị H thống nhất trình bày: Năm 1989 ông, bà nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn B phần đất nuôi trồng thủy sản phía sau phần đất của ông T và phần đất làm đường xổ nước chiều ngang 8m, chiều dài từ đất của ông, bà ra đến kênh xáng Hộ Phòng – Gành Hào, phần đất làm đường xổ trước đây do ông B nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị K, khi chuyển nhượng đều không làm giấy tờ, giá chuyển nhượng phần đất làm đường xổ là 02 chỉ vàng 24k, đến ngày 10/12/2021 ông B mới viết giấy tay chuyển nhượng phần đất đường xổ cho ông, bà nhưng thực tế ông quản lý sử dụng phần đất đường xổ nước này từ năm 1989 đến năm 2019, nhà nước làm đường lộ Hộ Phòng – Gành Hào thì ông không còn sử dụng phần đất này làm đường xổ nước nữa mà ông đào đắp lại thành đất liền, số tiền ông, bà bỏ ra để chi phí bồi đắp là 8.000.000đ, đến năm 2021 ông T ngăn cản, không cho ông, bà sử dụng phần đất này, nên ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T giao trả phần đất là đường xổ nước qua đo đạc thực tế ngang mặt giáp lộ Hộ Phòng – Gành Hào 08m (đo xéo theo mặt lộ là 8.90m), ngang mặt hậu là 08m, chiều dài 383,5m^2 (117,00m + 39,50m + 55,50m + 171,50m), tổng diện tích là 3.072,9m^2, tại thửa số 207, 208 và 450 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ngô Thị T1 vợ ông T đứng tên, nên ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị T1 đối với diện tích tranh chấp nêu trên.

Bị đơn ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1 thống nhất trình bày: Khoảng năm 1988-1989 vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị K phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích hơn 30.000m^2, bao gồm cả phần đường xổ nước hiện đang tranh chấp, vợ chồng ông quản lý sử dụng đất có kê khai, đăng ký, đến năm 1995 bà T1 được UBND huyện G (nay là huyện Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 32.070m^2 do vợ ông là bà Ngô Thị T1 đứng tên. Trong quá trình sử dụng đất, ông Bùi Văn B có phần đất nuôi trồng thủy sản nằm phía sau phần đất của ông nhưng không có đường xổ nước, nên vợ chồng có chuyển nhượng lại cho ông Bùi Văn B phần đất có chiều ngang 1,5m, chiều dài

từ Kênh Hộ Phòng – Gành Hào đến giáp hậu đất của ông B khoảng 360m, giá chuyển nhượng 03 chỉ vàng 24k, khi chuyển nhượng không có làm giấy tờ gì. Sau đó, ông Bùi Văn B chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản của ông B cho ông Lê Văn S và chuyển nhượng luôn cho ông S phần đường xổ nước mà vợ chồng ông chuyển nhượng cho ông B, vợ chồng ông không trực tiếp chuyển nhượng phần đất là đường xổ cho ông S. Nay vợ chồng ông tự nguyện đồng ý giao trả lại cho ông Lê Văn S phần đất ngang 1,5m (đo xéo theo lộ 1,7m), dài hết hậu đất khoảng 360m và đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Ngô Thị T1 đối với phần đất ngang 1,5m (đo xéo theo lộ 1,7m) chạy dài từ giáp kênh Hộ Phòng – Gành Hào đến hết hậu đất khoảng 360m.

Ngoài ra, ông xác định, năm 2021 ông S bồi đắp lên phần đất trước đây là đường xổ ở hướng giáp đường lộ Hộ Phòng, ông ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Nay ông xác định chi phí ông S đã bồi đắp đất trên phần đất phần đất là 8.000.000đ ông cũng đồng ý.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S đối với ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1.

- Buộc ông Phạm Quốc T, bà Ngô Thị T1, chị Nguyễn Thị U, anh Phạm Quốc T2, anh Phạm Đan T3 cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Văn S phần đất thứ nhất diện tích 175,6m^2 + 59,1m^2, phần đất thứ hai diện tích 82,9m^2 và phần đất thứ ba diện tích 257,7m^2, cùng tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị T1 đối với các diện tích 175,6m^2 + 59,1m^2 + 82,9m^2 + 257,7m^2 tại các thửa số 207, 208, 450 tờ bản đồ số 14. Ông Lê Văn S có quyền liên hệ đến có quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê văn S đối với ông Phạm Quốc T, bà Ngô Thị T1 yêu cầu ông Phạm Quốc T, bà Ngô Thị T1 giao trả phần đất thứ nhất diện tích 1.009,4m^2, phần đất thứ hai diện tích 359,2m^2 và phần đất thứ ba diện tích 1.129,0m^2, tọa lạc tại: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1 cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Lê Văn S số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/4/2023, nguyên đơn ông Lê Văn S kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông,

buộc ông T, bà T1 giao trả cho ông phần đất diện tích 3.072,9m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S phát biểu tranh luận và đề nghị: Nguồn gốc phần đất là đường xổ nước là của bà K, do phần đất của ông B nằm phía sau không có đường để xổ nước, nên ông B hỏi mua của bà K, nhưng lúc đó bà K chỉ chuyển nhượng ½ diện tích đất của bà K chứ không chuyển nhượng đường xổ nước, lúc này ông B1 nhận chuyển nhượng của bà K ½ diện tích đất, nên ông B chuyển nhượng lại đường xổ nước từ ông B1, sau đó ông B1 chuyển nhượng toàn bộ phần đất của ông B1 cho ông T, lúc ông B1 chuyển nhượng đất cho ông T thì ông B đã sử dụng đường xổ nước này, việc chuyển nhượng đất giữa ông S và ông B1 không làm giấy tờ, lời khai của bà L, ông H và bà K có nhiều mâu thuẫn, nên chưa có căn cứ xác định bà K chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của bà K cho ông T, vì lời khai ông B1 xác định ông nhận chuyển nhượng ½ diện tích đất của bà K và ông T chỉ nhận chuyển nhượng ½ diện tích đất của bà K. Khi nhà nước thu hồi đất làm đường Hộ Phòng thì nhà nước cũng bồi thường cho ông S, bà H chứ không bồi thường cho ông T, theo bản đồ chính quy hiện nay phần đất tranh chấp thuộc thửa 34 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S, không phải nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1. Trong quá trình sử dụng đất, năm 2006 bà T1 vợ ông T cũng đã xác định ranh đất cho ông S đường xổ nước chiều ngang 05m. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, buộc ông T, bà T1 cùng có trách nhiệm giao trả cho ông S phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 3.072,9m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, không có căn cứ xác định ông S nhận chuyển nhượng của bà K phần đất là đường xổ nước chiều ngang 08m, chiều dài 468m. Qua kết quả đo đạc cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp cho bà T1 vợ ông T, nay ông T, bà T1 tự nguyện giao cho ông S phần đất đường xổ nước chiều ngang 1,5m chiều dài tới đầu đất của ông S là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

[1.2] Đơn kháng cáo của ông S có đầy đủ nội dung, yêu cầu kháng cáo, được nộp trong hạn, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn S yêu cầu ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1 giao trả phần đất diện tích 3.072,9m^2, tại thửa số 207, 208 và 450 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ngô Thị T1 đứng tên, phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế được chia thành 6 phần, có diện tích cụ thể như sau: Phần đất thứ nhất có diện tích 1.009,4m^2; phần đất thứ hai có diện tích 234, 7m^2 (175,6m^2 + 59,1m^2); phần đất tranh chấp thứ ba có diện tích 359,2m^2; phần đất thứ tư có diện tích 82,9m^2; phần đất thứ năm có diện tích 1.129,0m^2 và phần đất thứ sáu diện tích 257,7m^2.

[3] Xét kháng cáo của ông S thấy rằng: Nguyên đơn ông Lê văn S xác định trước năm 1989 ông B nhận chuyển nhượng của bà K phần đất để làm đường xổ nước, đến năm 1989 ông B chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản cho ông và chuyển nhượng luôn phần đất đường xổ này, qua đo đạc thực tế hiện nay chiều ngang 08m, dài 383,5m, tổng diện tích 3.072,9m^2. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông B thì ông quản lý, sử dụng đến nay. Khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông B không làm giấy tờ và phần đất ông B nhận chuyển nhượng của bà K cũng không làm giấy tờ, đến ngày 10/12/2021 ông B mới làm giấy sang nhượng phần đất đang tranh chấp này cho ông.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2023 ông Bùi Văn B xác định nguồn gốc đất là đường xổ hiện đang tranh chấp giữa ông S với ông T là do ông nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị K khoảng năm 1986 – 1987, ngang 08m, dài 468m, khi nhận chuyển nhượng không có làm giấy tờ, đến năm 1989 ông chuyển nhượng phần đất này lại cho ông Lê Văn S. Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2023 bà Lê Thị K xác định, bà không có chuyển nhượng đất cho ông Bùi Văn B, mà bà chỉ chuyển nhượng cho ông Phạm Quốc T phần đất nuôi trồng thủy sản của bà bao gồm cả phần đất là đường xổ hiện đang tranh chấp giữa ông S với ông T. Khi chuyển nhượng đất cho ông T cũng không làm giấy tờ, khi vợ chồng ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng của bà thì bà cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về ranh đất hay diện

tích đất.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông S là Quyết định thu hồi đất số 21752 ngày 16/11/2018, thông báo chi trả hỗ trợ bồi thường số 815 ngày 28/11/2018, thông báo thu hồi đất ngày 23/6/2018, trích lục phương án được phê duyệt, Quyết định công bố mức bồi thường số 5173 ngày 22/11/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S cung cấp thêm tờ tường trình của ông Lê Văn H đề ngày 05/7/2023, biên bản xác minh của ông Lưu Văn B1 đề ngày 02/7/2023 và tờ tường trình của bà Đỗ Ngọc L ngày 10/7/2023. Xét các chứng cứ do ông S cung cấp thấy rằng, lời khai của những người hiểu biết sự việc trình bày trước sau không thống nhất với nhau và không phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên không được xem là chứng cứ chứng minh cho nguồn gốc phần đất tranh chấp, vì việc ông S xác định ông nhận chuyển nhượng phần đất làm đường xổ nước của ông B, lời khai của ông B ngày 22/02/2023 xác định ông nhận chuyển nhượng đất từ bà K, nhưng ông B1 xác định ông nhận chuyển nhượng đất của bà T1 (vợ ông T) diện tích 5,5 công và bà T1 chuyển nhượng cho ông B phần đất 3,5 công để làm đường xổ nước, sau đó ông chuyển nhượng 5,5 công đất này lại cho bà T1, còn phần đất làm đường xổ nước do ông B quản lý, sử dụng.

Chứng cứ do ông T cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 32.070m^2 tại thửa số 207, 208 và 450 tờ bản đồ số 14 do bà Ngô Thị T1 là vợ ông T đứng tên. Theo công văn số 4578/UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 946876 ngày 14/6/1995 cho bà Ngô Thị T1 là đúng quy định pháp luật.

Theo trích đo phần đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập năm 2022 xác định phần đất tranh chấp thuộc các thửa 207, 208 và 450 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Ngô Thị T1 đứng tên.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…", theo đó, ông S là người có nghĩa vụ chứng minh phần đất tranh chấp là do ông nhận chuyển nhượng của ông B. Trong quá trình tố tụng ông S không đưa ra được chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của ông B, trong khi bà K là người chuyển nhượng đất xác định không có chuyển nhượng phần đất là đường xổ này cho ông B, nên không có căn cứ để xác định giữa ông S và ông B có xác lập giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất là đường xổ hiện đang tranh chấp.

Xét giấy tay chuyển nhượng đất do ông B viết cho ông S ngày 10/12/2021. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất theo giấy tay chuyển nhượng đất ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nữa phần đất này ông B không quản lý, sử dụng từ năm 1989 và thời điểm ông B viết giấy tay này các

bên đang tranh chấp, căn cứ khoản 1 Điều 168 Luật đất đai năm 2013 thời điểm thực hiện các quyền của người sử dụng đất khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ông B viết giấy tay chuyển nhượng phần đất này cho ông S ngày 10/12/2021, phần đất này do bà T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên giấy tay chuyển nhượng đất do ông B viết cho ông S ngày 10/12/2021 không có giá trị pháp lý để xem xét làm căn cứ xác định phần đất đường xổ đang tranh chấp do ông B chuyển nhượng cho ông S.

[4] Xét về quá trình sử dụng đất. Theo ông S xác định, ông sử dụng phần đất này để làm đường xổ nước từ năm 1989 đến năm 2019, còn ông T không thừa nhận việc ông S đã sử dụng phần tranh chấp làm đường thoát nước ngang 08m từ năm 1989 đến năm 2019. Trong quá trình tố tụng ông S không có chứng cứ chứng minh cho việc sử dụng phần đất này, trong khi bà Đỗ Ngọc L là vợ của ông Lê Văn C là người sử dụng đất cặp ranh với đất của ông T và đường xổ nước xác định, ông S sử dụng phần đường nước chiều ngang 1,5m, đường nước này trước đây đào bằng tay và ông T chỉ thừa nhận phần đường xổ nước ông S chỉ sử dụng chiều ngang 1,5m, nên không có cơ sở để xác định ông Lê Văn S đã sử dụng phần đường nước ngang 08m như ông trình bày, mà chỉ có căn cứ xác định ông S chỉ sử dụng phần đất làm đường xổ nước chiều ngang 1,5m. Mặc dù phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T1 vợ ông T đứng tên, nhưng ông T tự nguyện giao cho ông S phần đất chiều ngang 1,5m (đo đạc thực tế 1,7m), chiều dài 383,5m, nên được ghi nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DSST ngày 24/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Đối với Quyết định thu hồi đất và nhận tiền bồi thường với phần đất diện tích 356m^2 tại thửa số 34, tờ bản đồ số 11 (bản đồ chính quy); theo bản đồ cũ 299 thì nằm tại thửa số 207, 208 và 450, tờ bản đồ số 14 do bà Ngô Thị T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do ông S là người nhận tiền. Xét thấy, phần đất diện tích này nằm trong phần đất ông T đồng ý giao cho ông S, nên ông S nhận tiền bồi thường là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu của ông S yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ngô Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 được thực hiện đúng quy định, việc ông T tự nguyện tách một phần đất được cấp giấy cho ông S được xem như một giao dịch làm biến động về diện tích đất, nên căn cứ Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên cơ sở hồ sơ hợp đồng, thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện, việc ghi những biến động sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên khi buộc ông T, bà T1 giao phần đất tranh chấp chiều ngang 1,5m chiều dài 383,5m không cần phải tuyên hủy giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T1 mà Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T1 phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Luật sư chưa có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến các kháng cáo, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Lê Văn S không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi có đơn xin được miễn nộp án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Văn S được miễn nộp.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DSST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 294, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn S đối với ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1.

1.1. Buộc ông Phạm Quốc T, bà Ngô Thị T1, chị Nguyễn Thị U, anh Phạm Quốc T2, anh Phạm Đan T3 cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Lê Văn S các phần đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí, số đo các cạnh cụ thể sau:

* Phần đất tranh chấp thứ nhất: Diện tích 175,6m^2 + 59,1m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp đường Hộ Phòng – Gành Hào, cạnh dài 1,7m.

- Cạnh hướng Tây giáp sông Gành Hào, cạnh dài 1,7m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 117,20m + 39,40m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Văn C, cạnh dài 117m + 39,50m.

* Phần đất tranh chấp thứ hai: Diện tích 82,9m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,7m.

- Cạnh hướng Tây giáp lộ Hộ Phòng – Gành Hào, cạnh dài 1,7m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 55,24m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Văn C, cạnh dài 55,20m.

* Phần đất tranh chấp thứ ba: Diện tích 257,7m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Lê văn S, cạnh dài 1,5m.

- Cạnh hướng Tây giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 1,7m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Phạm Quốc T, cạnh dài 172,20m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất của ông Lê Văn C, cạnh dài 171,50m.

1.2. Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị T1 giảm các diện tích đất buộc trả cho ông Lê Văn S theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê văn S yêu cầu ông Phạm Quốc T, bà Ngô Thị T1 giao trả các phần đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí, số đo các cạnh cụ thể sau:

* Phần đất tranh chấp thứ nhất: Diện tích 1.009,4m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp đường Hộ Phòng – Gành Hào, cạnh dài 6,5m (đo xéo theo lộ 7,2m).

- Cạnh hướng Tây giáp sông Gành Hào, cạnh dài 6,5m (đo xéo 7,2m).

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Phạm Quốc T, cạnh dài 118m + 39m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất 1,5m (đo xéo theo mặt lộ 1,7m, theo ông Phạm Quốc T thống nhất là phần đất của ông Lê Văn S) cạnh dài 117,20m + 39,40m.

* Phần đất tranh chấp thứ hai: Diện tích 359,2m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 7,2m.

- Cạnh hướng Tây giáp lộ Hộ Phòng - Gành Hào, cạnh dài 7,2m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Phạm Quốc T, cạnh dài 55,38m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất 1,5m (đo xéo theo mặt lộ 1,7m, theo ông Phạm Quốc T thống nhất là phần đất của ông Lê Văn S) cạnh dài 55,24m.

* Phần đất tranh chấp thứ ba: Diện tích 1.129,0m^2.

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông Lê Văn S, cạnh dài 6,5m.

- Cạnh hướng Tây giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 7,2m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Phạm Quốc T, cạnh dài 175,3m.

- Canh hướng Bắc giáp phần đất 1,5m (đo xéo theo mặt lộ 1,7m, theo ông Phạm Quốc T thống nhất là phần đất của ông Lê Văn S) cạnh dài 171,50m.

3. Trích đo phần đất tranh chấp do Chi nhánh - Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu lập năm 2022 được kèm theo Bản án và là bộ phận không tách rời của Bản án.

4. Buộc ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1 cùng có trách nhiệm giao trả cho ông Lê Văn S số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ số tiền 4.365.000đ, ông Lê Văn So phải chịu toàn bộ. Ông Lê Văn S đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

6.1. Ông Lê Văn S, ông Phạm Quốc T và bà Ngô Thị T1 đều được miễn nộp.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn S được miễn nộp.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự; Luật sư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

Bùi Anh Tuấn